

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP BÊN ĐƯỢC TẶNG CHO KHÔNG THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN TẶNG CHO KHI BÊN TẶNG CHO ĐÃ GIAO TÀI SẢN

LÊ THỊ GIANG*

Đối với hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện thì bên được tặng cho có thể thực hiện điều kiện trước hoặc sau khi nhận tài sản tặng cho. Bài viết tập trung phân tích trường hợp bên tặng cho đã chuyển giao tài sản tặng cho nhưng bên được tặng cho không thực hiện điều kiện (khoản 3 Điều 462 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015); qua đó, chỉ ra những bất cập và định hướng hoàn thiện pháp luật liên quan đến vấn đề này.

Từ khóa: Điều kiện tặng cho; tặng cho tài sản.

Conditional contracts for gifts of property mean a recipient can perform one or several civil obligations either prior to or after the giving of a gift. The article focuses on the cases where a recipient fails to perform an obligation required to be performed after the giving of a gift (clause 3, Article 462 of the Civil Code in 2015); at the same time, it points out the inadequacies and brings about the orientations in favor of perfecting the related laws.

Keywords: Conditions of giving a gift, gifts of property

Đối với trường hợp bên tặng cho đã chuyển giao tài sản tặng cho nhưng bên được tặng cho không thực hiện điều kiện thì giải quyết như sau: “bên tặng cho có quyền đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại” (khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015). Về cơ bản, tác giả đánh giá đây là quy định tương đối hợp lý bởi lẽ đối với trường hợp tặng cho tài sản có điều kiện thì việc thực hiện điều kiện là cơ sở để bên được tặng cho nhận tài sản tặng cho; do đó, nếu bên được tặng cho không thực hiện điều kiện thì tất yếu họ cũng không được nhận tài sản tặng cho. Dưới góc độ là “quyền” nên bên tặng cho có thể thực thi quyền này bằng cách yêu cầu bên được tặng cho phải trả lại tài sản hoặc bên tặng cho không đòi lại tài sản tặng cho mặc dù bên được tặng cho không thực hiện điều kiện. Cách thức hành xử

như thế nào phụ thuộc hoàn toàn vào ý chí của bên tặng cho tài sản. Khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 đã tạo ra cơ sở pháp lý trực tiếp để bên tặng cho được bảo vệ quyền lợi của mình khi bên được tặng cho không thực hiện điều kiện. Tuy nhiên, liên quan đến quy định này còn tồn tại một số điểm bất cập, vướng mắc cần được hoàn thiện sau đây:

1. Khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 chưa dự liệu phương thức giải quyết khi bên được tặng cho đã thực hiện một phần điều kiện.

Thực tế tồn tại rất nhiều trường hợp bên được tặng cho có thực hiện điều kiện nhưng chỉ thực hiện một phần, trong từng khoảng thời gian, đặc biệt là đối

* Thạc sĩ, Khoa Pháp luật Dân sự, Trường Đại học Luật Hà Nội

với những điều kiện có thời gian thực hiện lâu, không xác định được thời điểm chấm dứt như điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc... thì quy định tại khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 chưa giải quyết được. Ví dụ như trường hợp cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất và nhà cho con trai và con dâu với điều kiện là họ phải nuôi dưỡng đứa em bị tâm thần cho đến khi chết. Trong thời gian 8 năm đầu kể từ khi nhận tài sản họ nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo nhưng sau đó thì họ bỏ bê, thậm chí không cho ăn uống... Trong ví dụ này, người được tặng cho không thuộc trường hợp *“không thực hiện điều kiện tặng cho”* mà họ vẫn thực hiện mặc dù thực hiện không đầy đủ điều kiện. Vậy một vấn đề được đặt ra là nếu bên được tặng cho đã nhận tài sản tặng cho và họ có thực hiện điều kiện tặng cho nhưng thực hiện không đầy đủ (mới chỉ thực hiện một phần) thì bên tặng cho có quyền đòi lại tài sản hay không? Liên quan đến nội dung này còn có nhiều luồng quan điểm trái chiều nhau, cụ thể:

(i) *Quan điểm thứ nhất cho rằng*, khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 quy định: *“Trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ sau khi tặng cho mà bên được tặng cho không thực hiện thì bên tặng cho có quyền đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại”*. Theo quy định này, chỉ khi bên được tặng cho *“không thực hiện điều kiện”* thì bên tặng cho mới có quyền đòi lại tài sản. Không thực hiện điều kiện được hiểu là bên được tặng cho không thực hiện bất cứ một phần nào của nghĩa vụ. Khác với không thực hiện điều kiện, thực hiện điều kiện không đầy đủ là trường hợp bên được tặng

cho có thực hiện một phần điều kiện nhưng không thực hiện toàn bộ điều kiện như đã cam kết với bên tặng cho. Ngay tại Điều 351 BLDS năm 2015 cũng ghi nhận: *“Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”*. Như vậy, Điều luật này đã quy định trường hợp không thực hiện nghĩa vụ và trường hợp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ là hai trường hợp riêng biệt. Với lập luận này thì những người theo quan điểm thứ nhất khẳng định rằng, khoản 3 Điều 462 chỉ quy định quyền đòi tài sản tặng cho của bên tặng cho khi bên được tặng cho không thực hiện toàn bộ điều kiện nên nếu bên được tặng cho đã thực hiện được một phần điều kiện thì bên tặng cho không có quyền đòi lại tài sản.

Quan điểm trên chưa thực sự thuyết phục bởi lẽ, nếu như thừa nhận bên tặng cho không được đòi lại tài sản tặng cho khi bên được tặng cho đã thực hiện một phần điều kiện thì không thỏa đáng và không bảo vệ được quyền lợi của người tặng cho. Luật pháp được ghi nhận theo hướng thúc đẩy các bên nâng cao ý thức trong việc thực hiện nghĩa vụ nên nếu hiểu khoản 3 Điều 462 theo quan điểm thứ nhất thì quy định này không những không thúc đẩy bên được tặng cho thực hiện điều kiện tặng cho; thậm chí ngược lại còn tạo điều kiện để bên được tặng cho chỉ thực hiện một phần nhỏ của điều kiện mà họ không tự nguyện thực hiện toàn bộ điều kiện. Bởi lẽ, bên được tặng cho chỉ cần thực hiện được một phần điều kiện là bên

tặng cho đã không đòi lại được tài sản tặng cho.

(ii) *Quan điểm thứ hai cho rằng*, vì luật chỉ quy định chung chung khi bên được tặng cho không thực hiện điều kiện tặng cho nên phải hiểu việc không thực hiện bao gồm hai trường hợp sau đây: *một là*, bên được tặng cho không thực hiện toàn bộ điều kiện; *hai là*, bên được tặng cho không thực hiện một phần điều kiện. Do vậy, theo cách lý giải này thì dù người được tặng cho không thực hiện toàn bộ điều kiện hoặc đã thực hiện được một phần điều kiện nhưng không thực hiện hết thì người tặng cho luôn có quyền đòi lại tài sản.

Thực chất quan điểm này cũng chưa thực sự giải quyết thấu đáo quyền lợi giữa bên tặng cho và bên được tặng cho. Vì nếu trong trường hợp bên được tặng cho đã thực hiện một phần điều kiện nhưng vẫn phải trả lại toàn bộ tài sản cho bên tặng cho thì điều này làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của bên được tặng cho, đặc biệt đối với những trường hợp bên được tặng cho đã thực hiện được phần lớn điều kiện tặng cho (thực hiện gần xong điều kiện tặng cho). *Ví dụ: A thỏa thuận tặng cho B căn nhà với điều kiện B phải nuôi em trai là C học 4 năm Đại học. B đã chu cấp đầy đủ tiền ăn, học cho em trai trong vòng 3,5 năm; còn nửa năm cuối cùng vì anh em xảy ra mâu thuẫn, B không thực hiện điều kiện nữa. Nếu giải quyết vụ việc này theo quan điểm thứ hai, mặc dù B đã thực hiện được phần lớn điều kiện nhưng A vẫn có quyền đòi B phải trả lại căn nhà.*

Qua việc phân tích hai quan điểm trên thì có thể thấy quan điểm thứ nhất

và quan điểm thứ hai có cách giải quyết hoàn toàn trái ngược nhau đối với cùng một vấn đề; trong khi quan điểm thứ nhất thiên về bảo vệ quyền cho bên được tặng cho thì quan điểm thứ hai lại tuyệt đối hóa quyền đòi lại tài sản của người tặng cho. Do vậy, cả hai luồng quan điểm trên đều chưa phù hợp, chưa giải quyết hài hòa được quyền lợi giữa bên tặng cho và bên được tặng cho.

Để hài hòa lợi ích và đảm bảo sự công bằng giữa bên tặng cho và bên được tặng cho thì vấn đề này nên được giải quyết theo hai trường hợp như sau:

Một là, trường hợp bên được tặng cho đã nhận tài sản nhưng không thực hiện toàn bộ điều kiện thì bên tặng cho có quyền đòi lại tài sản tặng cho (trường hợp này đã được ghi nhận tại khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015);

Hai là, trường hợp bên được tặng cho đã nhận tài sản nhưng mới thực hiện một phần điều kiện tặng cho thì giải quyết như sau: Bên được tặng cho tính toán chi phí (chi phí trực tiếp và chi phí cho công sức) đã bỏ ra để thực hiện một phần điều kiện và yêu cầu bên tặng cho chi trả khi bên tặng cho lấy lại tài sản tặng cho.

Để đảm bảo cách hiểu và phương thức giải quyết thống nhất cho các Tòa án, khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 cần ghi nhận cụ thể về trường hợp bên được tặng cho đã thực hiện một phần điều kiện tặng cho. Qua các phân tích trên, tác giả kiến nghị bổ sung thêm nội dung này vào khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 như sau: *“Trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ sau khi tặng cho mà bên được tặng cho không thực hiện thì bên tặng cho có quyền đòi lại tài sản*

và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Nếu bên được tặng cho đã thực hiện một phần nghĩa vụ thì có quyền yêu cầu bên tặng cho thanh toán chi phí hợp lý cho việc đó”.

2. Khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 chưa dự liệu hậu quả pháp lý khi người được tặng cho không thực hiện điều kiện do sự kiện bất khả kháng, do lỗi cố ý của người tặng cho.

Khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 chỉ ghi nhận chung chung khi bên được tặng cho không thực hiện điều kiện thì bên tặng cho được quyền đòi lại tài sản mà không quan tâm đến lý do bên được tặng cho không thực hiện điều kiện. Xét về mặt kết cấu thì khoản 3 Điều 462 không ghi nhận ngoại lệ của quyền đòi lại tài sản tặng cho của bên tặng cho tài sản.

Đối với trường hợp bên được tặng cho có đủ khả năng để thực hiện điều kiện nhưng cố tình không thực hiện thì trường hợp này bên tặng cho tài sản hoàn toàn có quyền đòi lại tài sản tặng cho. Tuy nhiên, với những trường hợp bên được tặng cho không thực hiện được điều kiện nhưng không phải do lỗi của bên được tặng cho mà do các nguyên nhân khác như bất khả kháng hoặc do chính lỗi của người tặng cho tài sản thì bên tặng cho có quyền đòi lại tài sản tặng cho hay không cần phải được nghiên cứu một cách khách quan:

Một là, người được tặng cho không thực hiện được điều kiện tặng cho do sự kiện bất khả kháng.

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần

thiết và khả năng cho phép (khoản 1 Điều 156 BLDS năm 2015).

Đối với hợp đồng tặng cho tài sản nói chung và tặng cho tài sản có điều kiện nói riêng, sự kiện bất khả kháng là sự kiện nằm ngoài khả năng dự liệu cả của bên tặng cho và bên được tặng cho. Sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân dẫn đến việc bên được tặng cho không thực hiện được điều kiện. Bởi khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 chưa dự liệu phương thức giải quyết trong trường hợp này; do đó, liên quan đến vấn đề này, một số phương thức giải quyết được đưa ra như sau:

- *Phương thức thứ nhất:* Bởi khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 không quy định bất cứ một ngoại lệ nào về quyền đòi lại tài sản của người tặng cho; do đó, khi bên được tặng cho không thực hiện điều kiện tặng cho thì bên tặng cho luôn có quyền đòi lại tài sản mà không cần phải tìm hiểu lý do dẫn đến việc người được tặng cho không thực hiện điều kiện. Nhằm củng cố vững chắc hơn cho phương thức giải quyết này, nhiều nhà nghiên cứu khẳng định việc ghi nhận cho bên tặng cho được đòi lại tài sản tặng cho khi bên được tặng cho không thực hiện điều kiện dù vì bất cứ lý do gì là điều hoàn toàn hợp lý. Bởi, hợp đồng tặng cho là hợp đồng không có đền bù; do đó, khi bên được tặng cho không thực hiện điều kiện thì họ phải trả lại tài sản cho bên tặng cho và việc trả lại tài sản cũng không suy giảm đến lợi ích kinh tế của bên được tặng cho.

- *Phương thức thứ hai:* Mặc dù khoản 2 Điều 462 BLDS năm 2015 không ghi nhận các trường hợp bên tặng cho không được đòi lại tài sản khi bên được tặng cho không thực hiện. Khoản 2 Điều 351 BLDS năm

2015: “Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Vậy theo quy định này, sự kiện bất khả kháng là căn cứ để loại trừ trách nhiệm cho bên vi phạm.

Áp dụng quy định này để giải thích cho trường hợp bên được tặng cho không thực hiện được điều kiện tặng cho do sự kiện bất khả kháng thì những người theo phương thức thứ hai cho rằng bên tặng cho không có quyền đòi lại tài sản tặng cho. Theo tác giả, cách thức giải quyết hậu quả pháp lý khi bên được tặng cho không thực hiện điều kiện tặng cho do sự kiện bất khả kháng theo phương thức thứ hai hợp lý hơn bởi không thể giải quyết hậu quả giống nhau trong trường hợp bên được tặng cho cố ý không thực hiện điều kiện và trường hợp bên được tặng cho không thể thực hiện được điều kiện do sự kiện bất khả kháng. Hơn thế nữa, trong cả BLDS năm 2015 và trong cả truyền thống của khoa học pháp lý từ trước đến hiện tại thì sự kiện bất khả kháng luôn được thừa nhận là căn cứ miễn trừ nghĩa vụ cho bên vi phạm nghĩa vụ. Do vậy, khi bên được tặng cho không thực hiện điều kiện tặng cho do sự kiện bất khả kháng thì bên được tặng cho không phải thực hiện trách nhiệm trả lại tài sản tặng cho bên tặng cho.

Hai là, người được tặng cho không thực hiện điều kiện do lỗi cố ý của người tặng cho

Đối với trường hợp tặng cho có điều kiện mà việc thực hiện điều kiện phụ thuộc vào sự hợp tác của bên tặng cho thì có thể xảy ra khả năng sau: sau khi giao kết hợp đồng tặng cho có điều kiện,

bên tặng cho không muốn tặng cho tài sản nữa nên họ cố tình gây khó khăn cho bên được tặng cho trong việc thực hiện điều kiện (đối với các điều kiện mà việc thực hiện cần sự hợp tác, phối hợp của bên tặng cho). Đây là một vấn đề hoàn toàn có khả năng xảy ra trên thực tế, tuy nhiên, Điều 462 BLDS năm 2015 lại không dự liệu phương thức giải quyết vấn đề này. Chính vì lý do đó, việc giải quyết các vụ việc với các tình tiết tương tự như đã phân tích ở trên hiện còn chưa thống nhất. Theo quan điểm tác giả, với các trường hợp bên được tặng cho không thể thực hiện được điều kiện tặng cho do lỗi cố ý của bên tặng cho tài sản thì cần quy trách nhiệm cho bên tặng cho; bởi lẽ, đối với các điều kiện mà việc thực hiện cần sự hợp tác của bên tặng cho thì bên tặng cho có nghĩa vụ phối hợp cùng với bên được tặng cho trong việc thực hiện điều kiện. Hơn thế nữa, khoản 3 Điều 351 BLDS năm 2015 cũng đã ghi nhận: “Bên có nghĩa vụ không phải chịu trách nhiệm dân sự nếu chứng minh được nghĩa vụ không thực hiện được là hoàn toàn do lỗi của bên có quyền”.

Thực chất với vấn đề này, Điều 944 BLDS Pháp đã ghi nhận: “Việc tặng cho kèm theo điều kiện sẽ vô hiệu nếu việc thực hiện điều kiện đó hoàn toàn chỉ phụ thuộc vào ý chí của người tặng cho”. Quy định này nhằm bảo đảm tính khách quan trong việc thực hiện điều kiện tặng cho. Nếu bên tặng cho đưa ra điều kiện mà việc thực hiện hay không thực hiện điều kiện này hoàn toàn do bên tặng cho quyết định thì bên được tặng cho được hay không được nhận tài sản hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của bên tặng cho (mặc dù hợp đồng tặng cho đã

cho đối với các trường hợp luật không có quy định cụ thể. *Ví dụ: A thỏa thuận tặng cho B một chiếc xe đạp với điều kiện B phải biết đi xe. Hai bên thỏa thuận sau khi A chuyển giao tài sản cho B thì B là chủ sở hữu của chiếc xe.*

+ Trường hợp luật không quy định và các bên không có thỏa thuận thì thời điểm xác lập quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản là thời điểm tài sản được chuyển giao. Thời điểm tài sản được chuyển giao là thời điểm bên có quyền hoặc người đại diện hợp pháp của họ chiếm hữu tài sản.

Dựa trên thời điểm xác lập quyền sở hữu của bên được tặng cho đối với tài sản tặng cho mà vấn đề đòi lại tài sản tặng cho từ người thứ ba (người đã xác lập giao dịch với người được tặng cho) được giải quyết như sau:

(i) Nếu tại thời điểm bên được tặng cho chuyển giao tài sản cho người thứ ba mà bên được tặng cho đã là chủ sở hữu của tài sản tặng cho thì bên tặng cho không được đòi lại tài sản. Lúc này bên tặng cho chỉ có quyền yêu cầu bên được tặng cho phải thanh toán số tiền tương đương với giá trị tài sản tặng cho.

(ii) Nếu tại thời điểm bên được tặng cho chuyển giao tài sản cho người thứ ba mà bên được tặng cho chưa là chủ sở hữu của tài sản thì bên tặng cho có quyền yêu cầu người thứ ba đã giao dịch với bên được tặng cho phải trả lại tài sản tặng cho. Sau đó, người thứ ba đã giao dịch với bên được tặng cho có quyền yêu cầu bên được tặng cho phải hoàn trả cho họ số tiền mà họ đã trao đổi để có được tài sản tặng cho.

Ngược lại với ý kiến trên, có quan điểm cho rằng người tặng cho luôn có quyền đòi lại tài sản tặng cho nếu người

được tặng cho không hoàn thành điều kiện kể cả trong trường hợp bên được tặng cho đã chuyển giao hay chưa chuyển giao tài sản tặng cho cho người thứ ba. Quan điểm này xuất phát từ các lý lẽ sau đây: *Một là*, khác với hợp đồng tặng cho tài sản thông thường, đối với tặng cho tài sản có điều kiện thì việc thực hiện điều kiện là tiền đề để bên được tặng cho được nhận tài sản và được xác lập quyền sở hữu đối với tài sản. Do đó, nếu bên tặng cho giao tài sản cho bên được tặng cho trước khi bên được tặng cho thực hiện điều kiện thì quyền sở hữu của bên được tặng cho với tài sản tặng cho vẫn đang trong tình trạng “treo” cho đến khi thực hiện xong điều kiện và thực hiện xong thủ tục đăng ký (nếu pháp luật có quy định). Bởi vậy, bên được tặng cho không được phép chuyển quyền sở hữu hay xác lập các giao dịch bảo đảm với tài sản tặng cho; *Hai là*, theo quan điểm thứ nhất, bên tặng cho không được đòi lại tài sản tặng cho từ người thứ ba nếu tại thời điểm xác lập giao dịch với người thứ ba, người được tặng cho đã được xác lập sở hữu với tài sản – quy định này tạo ra khoảng trống để bên được tặng cho lợi dụng nhằm được hưởng lợi từ phía người tặng cho. Người được tặng cho sẽ cố tình xác lập “giao dịch ảo” với người thứ ba như mua bán, trao đổi, tặng cho... để nhằm trốn tránh việc thực hiện điều kiện mà họ không phải trả lại tài sản cho bên tặng cho. Từ những lập luận trên, tác giả nhận định dù bên được tặng cho đã xác lập giao dịch chuyển quyền sở hữu hay giao dịch bảo đảm đối với tài sản tặng cho mà chưa thực hiện điều kiện tặng cho thì bên tặng cho vẫn được quyền đòi lại tài sản từ người thứ ba.

Quan điểm giải quyết của tác giả cũng trùng khớp với quy định tại Điều 954 của BLDS Pháp: *“Trong trường hợp việc tặng cho bị hủy bỏ vì các điều kiện kèm theo không được thực hiện, người tặng cho được trả lại các tài sản đã tặng cho và không bị ràng buộc bởi bất kì nghĩa vụ và hợp đồng thế chấp nào; người tặng cho có mọi quyền đối với người thứ ba đang chiếm giữ bất động sản tặng cho như đối với người được tặng cho”*. Quy định này đã bảo vệ tuyệt đối quyền được đòi lại tài sản của bên tặng cho trong trường hợp bên được tặng cho không hoàn thành nghĩa vụ. Với thời gian được xây dựng cách đây hơn 200 năm nhưng các luật gia Pháp đã dự liệu những tình huống có thể xảy ra đối với tài sản tặng cho; trong khi đó, đây là một lỗ hổng của pháp luật Việt Nam tồn tại từ BLDS năm 1995, BLDS năm 2005 và vẫn chưa được khắc phục trong BLDS năm 2015.

Nhằm giải quyết vướng mắc liên quan đến vấn đề này, khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 cần bổ sung thêm quy định như sau: *“Bên tặng cho không phải chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ do bên được tặng cho xác lập với người thứ ba liên quan đến tài sản tặng cho”*. Việc bổ sung nội dung này sẽ giải quyết triệt để, thống nhất trường hợp khi bên tặng cho đòi tài sản tặng cho (do bên được tặng cho không thực hiện điều kiện) nhưng tài sản tặng cho đã bị bên tặng cho bán, trao đổi, tặng cho lại, thế chấp...cho người thứ ba.

4. Khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 chưa dự liệu cách thức giải quyết đối với hoa lợi, lợi tức phát sinh trong thời gian bên được tặng cho chiếm hữu tài sản và tài sản tặng cho được đầu tư tăng thêm giá trị

- *Đối với trường hợp tài sản tặng cho phát sinh hoa lợi, lợi tức*

Khi bên tặng cho đòi tài sản tặng cho thì có hai khả năng xảy ra: Một là, tài sản tặng cho không phát sinh hoa lợi, lợi tức trong thời gian bên được tặng cho chiếm hữu; Hai là, trong thời gian bên được tặng cho chiếm hữu tài sản thì tài sản tặng cho phát sinh hoa lợi, lợi tức. Đối với trường hợp đầu tiên thì không thể xảy ra tranh chấp với hoa lợi, lợi tức; nhưng trong trường hợp thứ hai thì cần giải quyết vấn đề hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản tặng cho thuộc sở hữu của chủ thể nào. Đây là một vấn đề gây lúng túng cả khía cạnh lý luận cũng như thực tiễn do BLDS năm 2015 không ghi nhận. Có quan điểm cho rằng, trường hợp bên được tặng cho phải trả lại tài sản cho bên tặng cho thì bên được tặng cho được quyền giữ lại các hoa lợi, lợi tức phát sinh trong thời gian họ chiếm hữu tài sản. Quan điểm khác thì lại trái ngược lại như sau, trường hợp bên được tặng cho phải trả lại tài sản cho bên tặng cho thì bên được tặng cho phải trả cả hoa lợi, lợi tức phát sinh trong thời gian họ chiếm hữu tài sản tặng cho. Thực chất cả hai quan điểm đưa ra đều chưa thực sự thỏa đáng vì mỗi quan điểm lại tuyệt hóa hóa quyền của một bên chủ thể mà chưa giải quyết một cách khách quan quyền lợi giữa bên tặng cho và bên được tặng cho. Vì lẽ đó, trường hợp bên tặng cho đòi lại tài sản tặng cho mà tài sản tặng cho đã phát sinh hoa lợi thì cần phải căn cứ vào thời điểm xác lập quyền sở hữu của bên được tặng cho đối với tài sản tặng cho để xác định chủ thể được xác

lập sở hữu đối với hoa lợi, lợi tức phát sinh trong thời gian bên được tặng cho chiếm hữu tài sản, cụ thể:

(i) Nếu tại thời điểm tài sản tặng cho phát sinh hoa lợi mà bên được tặng cho đã được xác lập sở hữu đối với tài sản tặng cho thì bên được tặng cho được quyền giữ lại hoa lợi mà không phải trả lại cho bên tặng cho kèm với tài sản gốc;

(ii) Nếu tại thời điểm tài sản tặng cho phát sinh hoa lợi mà bên được tặng cho chưa xác lập quyền sở hữu đối với tài sản tặng cho thì bên được tặng cho phải trả hoa lợi, lợi tức kèm theo tài sản gốc cho bên tặng cho.

Phương thức giải quyết trên được căn cứ vào quy định tại Điều 224 BLDS năm 2015, về nguyên tắc chung, chủ sở hữu tài sản là người được quyền xác lập đối với hoa lợi, lợi tức do tài sản gốc của họ mang lại.

- Đối với trường hợp tài sản tặng cho được đầu tư tăng thêm giá trị

Trên thực tế tồn tại nhiều trường hợp, sau khi được bên tặng cho chuyển giao tài sản thì bên tặng cho đầu tư làm tăng thêm giá trị tài sản tặng cho. Với những tình huống này, khi bên tặng cho đòi lại tài sản tặng cho thì cần phải giải quyết giá trị tài sản tăng thêm.

Đối với trường hợp giữa tài sản tặng cho ban đầu và phần tài sản được đầu tư tăng thêm có thể tách ra mà không làm ảnh hưởng đến tài sản tặng cho thì khi bên tặng cho đòi lại tài sản tặng cho thì các bên chỉ cần tách khỏi tài sản được đầu tư thêm ra khỏi tài sản tặng cho. Ví dụ: A tặng cho B một sợi dây chuyền vàng với điều kiện B không được cắt tóc ngắn; tuy nhiên, sau khi

nhận tài sản tặng cho từ A thì B vẫn đi cắt tóc ngắn. Tại thời điểm A đòi lại sợi dây chuyền thì B đã mua thêm một mặt đá xỏ vào sợi dây chuyền. Trường hợp này giữa tài sản tặng cho ban đầu và phần đầu tư tăng thêm hoàn toàn tách ra được mà không gây ảnh hưởng đến cả tài sản tặng cho và cả tài sản đầu tư tăng thêm nên khi A đòi sợi dây chuyền từ B thì các bên chỉ cần tách tài sản.

Đối với trường hợp giữa tài sản tặng cho ban đầu và tài sản đầu tư tăng thêm không thể tách rời thì việc giải quyết hậu quả khi bên tặng cho đòi lại tài sản phức tạp hơn. Do pháp luật chưa ghi nhận vấn đề này nên đây được coi là điểm thiếu sót cần được khắc phục, bổ sung để việc áp dụng pháp luật được thống nhất.

Dựa trên các lập luận trên, tác giả kiến nghị bổ sung thêm quy định khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 như sau: “Trường hợp tài sản tặng cho phát sinh hoa lợi, lợi tức thì bên được tặng cho được sở hữu từ thời điểm họ xác lập quyền sở hữu đối với tài sản tặng cho. Trường hợp tài sản tặng cho tăng thêm giá trị do bên được tặng cho đầu tư thì họ có quyền yêu cầu bên tặng cho thanh toán phần giá trị tăng thêm”.

5. Khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 chưa quy định triệt để hiệu lực của tặng cho có điều kiện khi bên được tặng cho không thực hiện điều kiện tặng cho.

Khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 quy định: “Trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ sau khi tặng cho mà bên được tặng cho không thực hiện thì bên tặng cho có quyền đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Cùng vấn đề này, Điều 953 BLDS Pháp quy định: “Việc tặng cho chỉ bị hủy bỏ trong trường hợp các điều kiện kèm theo việc

tặng cho không được thực hiện...". Qua quy định này có thể thấy, khi bên được tặng cho không thực hiện điều kiện tặng cho thì bên tặng cho có quyền hủy bỏ tài sản tặng cho để đòi lại tài sản. Như vậy, quyền đòi lại tài sản tặng cho xuất phát từ căn cứ hợp đồng tặng cho bị hủy bỏ.

Đối chiếu quy định của BLDS Pháp với quy định tại khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 thì có thể thấy BLDS năm 2015 chưa ghi nhận hiệu lực của tặng cho có điều kiện khi bên được tặng cho không thực hiện điều kiện triệt để như BLDS Pháp. Chính vì lẽ đó, hiện nay rất nhiều học giả băn khoăn rằng, quyền đòi lại tài sản tặng cho và yêu cầu bồi thường thiệt hại của bên tặng cho xuất phát từ lý do hợp đồng tặng cho vô hiệu, bị đơn phương chấm dứt hợp đồng, bị hủy bỏ hay vì nguyên do giải trừ khế ước?

Nếu xét theo hậu quả pháp lý khi bên được tặng cho không thực hiện điều kiện tặng cho thì bên tặng cho được đòi lại tài sản tặng cho và yêu cầu bồi thường thiệt hại thì thực chất đây là cách thức giải quyết của việc hủy bỏ hợp đồng. Khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 không ghi nhận hiệu lực của tặng cho có điều kiện mà chỉ quy định cách thức giải quyết là chưa triệt để. Do vậy, đây là nội dung cần nghiên cứu thêm để bổ sung vào quy định khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015. Với cách thức lý giải ở trên, tác giả kiến nghị bổ sung vấn đề này vào khoản 3 Điều 462 như sau: “Trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ sau khi tặng cho mà bên được tặng cho không thực hiện thì hợp đồng tặng cho bị hủy bỏ, bên tặng cho có quyền đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại...”.

Khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 được quy định ngắn gọn, hàm súc trong một câu duy nhất. Tuy nhiên, khi phân tích, bình luận, đối chiếu quy định của nước ta với vấn đề cùng tương thích trong BLDS Pháp thì có thể thấy rất nhiều nội dung các nhà lập pháp Việt Nam có thể học hỏi, đúc rút kinh nghiệm. Bên cạnh đó, khi áp dụng quy định khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 vào thực hiện thì vẫn còn bộc lộ nhiều lỗ hổng cần được bổ sung, hoàn thiện.

Qua việc phân tích các bất cập và đưa ra kiến nghị hoàn thiện trực tiếp các bất cập trên, tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung toàn diện khoản 3 Điều 462 BLDS năm 2015 như sau:

“Trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ sau khi tặng cho mà bên được tặng cho không thực hiện thì hợp đồng tặng cho bị hủy bỏ, bên tặng cho có quyền đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp điều kiện tặng cho không thể thực hiện được do sự kiện bất khả kháng hoặc do lỗi cố ý của bên tặng cho. Nếu bên được tặng cho đã thực hiện một phần nghĩa vụ thì có quyền yêu cầu bên tặng cho thanh toán chi phí hợp lý cho việc đó.

Trường hợp tài sản tặng cho phát sinh hoa lợi, lợi tức thì bên được tặng cho được sở hữu từ thời điểm họ xác lập quyền sở hữu đối với tài sản tặng cho. Trường hợp tài sản tặng cho tăng thêm giá trị do bên được tặng cho đầu tư thì họ có quyền yêu cầu bên tặng cho thanh toán phần giá trị tăng thêm.

Bên tặng cho không phải chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ do bên được tặng cho xác lập với người thứ ba liên quan đến tài sản tặng cho.”